TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-8-2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** Ông Trần Văn Lượng

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Lãm

Ông Trương Sáng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13 -Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Đỗ Văn Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 29/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Mai Thị C**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Thôn Tân Lập, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (cũ) nay thuộc xã PN, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn Tân Lập, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (cũ) nay thuộc xã PN, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Mai Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn năm 1985 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuy Xá, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây (cũ) ngày 29 tháng 5 năm 1985. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và khác biệt về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông T thường xuyên hù dọa và nhiều lúc đánh đập bà. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà và ông T có ba con chung là Nguyễn Văn Tiến, sinh năm 1987; Nguyễn Thị Yến, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Hà, sinh năm 2005. Các con đã trên 18 tuổi nên bà không yêu cầu giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có bản lời khai.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đều thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hướng giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không nói chuyện, chia sẻ được với nhau nên mâu thuẫn càng trầm trọng và nguyên đơn có nguyện vọng được ly hôn; Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho nguyên đơn và bị đơn được ly hôn. Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, T sản chung, nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết thì đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng*:

Bà Mai Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Văn T, ông T có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại thôn Tân Lập, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (cũ) nay thuộc xã PN, tỉnh Đồng Nai. Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai xác định quan hệ pháp luật của vụ án là *"Ly hôn"*. Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51;

53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13- Đồng Nai.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông T vắng mặt không có lý do. Xét thấy, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 và điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã Xuy Xá, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây (cũ) ngày 29 tháng 5 năm 1985, đúng quy định pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà C, Hội đồng xét xử thấy: Bà C trình bày trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nay mâu thuẫn trở nên trầm trọng, vợ chồng không nói chuyện được với nhau, đời sống hôn nhân trở nên căng thẳng, mệt mỏi, không ai quan tâm đến ai. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, ngày 07 tháng 5 năm 2025 Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi ông T, bà C cư trú được biết *"ông T bà C thường xuyên cãi nhau, bà C thì cho rằng ông T gái gú nhiều lúc gây gỗ, dọa đánh bà C, còn ông T cho rằng bà C theo đạo gì đó tối ngày lo kinh tụng không lo làm ăn cũng không lo cho gia đình. Địa phương đã nhiều lần đến nói chuyện hòa giải cho bà C ông T nhưng không có kết quả".* Từ những căn cứ trên cho thấy hôn nhân giữa bà C ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51,53 và 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Mai Thị C.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Bà C và ông T có ba con chung là Nguyễn Văn Tiến, sinh năm 1987; Nguyễn Thị Yến, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Hà, sinh năm 2005. Các con đã trên 18 tuổi nên bà không yêu cầu giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về T sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Mai Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 147; 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Luật 85/2025/QH 15 của Quốc hội khóa 15 ngày 25/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Điều 51; 53 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị C.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị C được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

2/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Mai Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008459 ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (cũ) nay là phòng Thi hành án khu vực 13 - Đồng Nai.

3/ Quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 13 – Đồng Nai;
- Phòng THA khu vực 13 – Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND xã Hồng Sơn, Tp. Hà Nội;
- UBND xã PN; T. Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Lượng